

# NHẬN XÉT BÁO CÁO “MEKONG DELTA PLAN”

**Tô Văn Trường**

*Chuyên gia tài nguyên nước và môi trường*

*Ban chủ nhiệm chương trình nghiên cứu khoa học KC08/11-15*

*Bộ Khoa học và Công nghệ*

## I

Bản dự thảo MDP mới được hoàn thành, nhưng đọc qua tiêu đề và một số nội dung trong báo cáo thấy nhiều chỗ dịch rất khó hiểu, kể cả bản mới cập nhật cũng chỉ là format lại số trang.

Trước hết, về mặt ngôn ngữ, trong tiếng Tây (Anh, Nga, Pháp ...) danh từ "plan" không phải chỉ là "kế hoạch" mà còn là "quy hoạch", mà thậm chí còn là một "sơ đồ chỉ đường" cho du khách. Ở Việt Nam đang có sự nhầm lẫn giữa danh từ "plan" và danh động từ "planning" (việc làm để tạo ra "plan") vì thế nhiều người đã dịch "kế hoạch" sang tiếng Anh là "plan" và "quy hoạch" là "planning". Ngược lại, khi thấy tiếng Anh viết là "plan" thì chỉ dịch là "kế hoạch", viết là "planning" thì lại dịch là quy hoạch. Ví dụ, trong bản tiếng Anh của Luật Đất đai 2003 và của Luật Bảo vệ môi trường 2005 đã dịch sai lầm như vậy. Điều này đã làm cho các chuyên gia nước ngoài nói tiếng Anh không thể hiểu được các quy định của ta.

Về góp ý cho MDP có 2 cách làm. Cách thứ nhất làm như các reviewers của các tạp chí quốc tế là có các điểm chính đánh giá chung, rồi thêm các chi tiết sau từng hạng mục. Cách thứ hai là nêu nhiều vấn đề liên quan đến công tác quy hoạch và báo cáo MDP. Khó là làm sao để người trong cuộc hiểu rõ tình hình thực tế ở Việt Nam, có thể tiếp thu bổ sung cho MDP những điểm nào đúng, điểm nào sai và nên sửa như thế nào? Vì đây là bản Draft của MDP cho nên cách góp ý của tôi là “trộn lẫn” (two in one) 2 cách làm nói trên.

### **Chương 1 và 2**

Theo tôi hiểu thì Quy hoạch là việc hình thành phương án tổ chức thực hiện chiến lược phát triển của một ngành, phát triển kinh tế-xã hội của một vùng lãnh thổ từ quy mô cả nước đến quy mô của từng vùng cụ thể. Do đó, không thể đồng nhất chiến lược với quy hoạch. Trong quy hoạch, vừa phải xác định mục tiêu, điều kiện cần có để thực hiện mục tiêu, phương án phân công hợp tác giữa các đối tác tham gia thực hiện quy hoạch. Quy hoạch cần làm rõ

điều kiện để thực hiện quy hoạch và phân công hiệp tác giữa các đối tác tham gia thực hiện quy hoạch.

Quy hoạch liên quan đến dự báo. Tuy nhiên, dự báo đúng thì rất khó vì liên quan đến nhiều mặt nhưng dự báo gần đúng cũng là vấn đề quan trọng. Ví dụ trong nông nghiệp thì phải xét đến cả dự báo kinh tế, xã hội, môi trường (như biến động thời tiết, thị trường thế giới, xu thế phát triển của nhu cầu...) Công tác quy hoạch còn phụ thuộc vào kiến thức tổng hợp và nhóm làm việc tổng hợp của nhiều ngành, nhiều cấp. Hiện nay, phối hợp giữa các ngành, các cấp rất yếu. Ngay quy hoạch thủy lợi còn đặt hàng cho quy hoạch nông nghiệp chứ không phải phối hợp cùng làm. Chúng ta thiếu "nhạc trưởng" đủ mạnh để điều phối quy hoạch các ngành, mà mọi việc giao về cấp thực hiện (Thủ tướng, Bộ trưởng, Chủ tịch tỉnh vv...) quyết định, rồi điều chỉnh sau. Muốn làm quy hoạch tốt thì phải nghiên cứu, cần nhân tài vật lực, thời gian nhưng hiện nay rất nhiều quy hoạch không có nghiên cứu hỗ trợ. Niềm tin vào quy hoạch cũng bị giảm sút vì nhiều quy hoạch treo, quy hoạch sai lầm hoặc lạc hậu vv...) nhưng lãnh đạo vẫn phê duyệt. Làm mất niềm tin thì rất dễ nhưng lấy lại lòng tin của dân đó là quy hoạch hợp lý, hữu hiệu phải mất vài chục năm.

Từ "quy hoạch" từng được hiểu nhiều cách khác nhau, dần dần những cách hiểu ấy gần nhau lại, thành một cách hiểu thông dụng. Cách hiểu thông dụng ấy được thể hiện ngắn gọn là "*Quy hoạch có thể là động từ, có thể là danh từ, có nghĩa là hành động (động từ) hoặc kết quả (danh từ) bố trí, sắp xếp toàn bộ theo một trình tự hợp lý trong từng thời gian, làm cơ sở cho việc lập kế hoạch dài hạn.*"

Về nông nghiệp và nông thôn, phải làm cho nông thôn giàu mạnh là kinh tế nông thôn, gồm phần nông nghiệp và phần phi nông nghiệp. Xu thế thời đại đã được thực hiện ở rất nhiều nước và đang tiếp tục phát triển là phần phi nông nghiệp làm ra của cải và mang lại thu nhập cao hơn hẳn, nhiều khi gấp đôi phần nông nghiệp. Vấn đề ở nông thôn không phải là nông nghiệp, mà là kinh tế nông thôn, chủ thể của kinh tế nông thôn là cư dân nông thôn, chứ không phải là nông dân thuần. Kinh tế của từng nước và của thế giới được hưởng từ kinh tế nông thôn nhiều hơn hẳn so với sự đóng góp của nông nghiệp.

Quy hoạch phát triển nông nghiệp phải dựa trên đặc thù, điều kiện, khả năng cụ thể từng vùng, từng khu vực, các chuyên ngành, phát huy các thế mạnh và mang tính lâu dài. Trên cơ sở khảo sát, điều tra, nghiên cứu, phân tích, quy hoạch phát triển nông nghiệp phải dựa trên những thông số về đất đai, khí hậu, nước, nguồn lao động, sự tiến bộ của khoa học kỹ thuật, tập quán, kỹ năng và kinh nghiệm của người lao động, vốn đầu tư và khả năng

sinh lợi từ các loại nông sản hàng hóa. Quy hoạch phải nhằm cụ thể hóa về ngành sản xuất chủ lực và sản xuất phụ, cơ sở hạ tầng, những yếu tố phụ trợ, chính sách phát triển, giảm thiểu các tác động có hại phát sinh trong quá trình tổ chức sản xuất, tiêu thụ sản phẩm, tận dụng tối đa mọi nguồn lực, và hướng tới sự phát triển đồng bộ, bền vững về chất lượng, hiệu quả kinh tế cao. Xây dựng quy hoạch phát triển nông nghiệp phải nằm trong tổng thể và mặt bằng chung của nền kinh tế quốc dân, phải phù hợp trình độ, khả năng người lao động và vận dụng được kinh nghiệm của các nước tiên tiến vào tình hình thực tế của nước ta.

Ở tầm thế giới thì một nước là một vùng lãnh thổ. Trong một nước thì địa giới vùng lãnh thổ được xác định căn cứ vào đặc điểm địa lý. Chẳng hạn vùng châu thổ đồng bằng sông Hồng, sông Cửu Long, vùng duyên hải, vùng Tây nguyên, ... Vùng lãnh thổ khác với phạm trù địa phương như chúng ta quen gọi. Mỗi địa phương là một đơn vị hành chính nên một địa phương có thể bao trùm nhiều vùng lãnh thổ khác nhau và trong một địa phương cũng có những vùng lãnh thổ khác nhau, chẳng hạn như địa phương Hà Nội vừa có vùng lãnh thổ thuộc châu thổ sông Hồng Hà, vừa có vùng lãnh thổ miền núi trung du và miền núi như khu vực Sơn Tây, Ba Vì. Quy hoạch phát triển kinh tế xã hội của vùng lãnh thổ (và địa phương) có nhiệm vụ khai thác thế mạnh của các nguồn tài nguyên về vật lực, tài lực và nhân lực trên vùng đó để đáp ứng nhu cầu phát triển toàn diện về các mặt kinh tế-xã hội của nhân dân trong vùng (tiêu dùng trên địa bàn nội vùng và xuất nhập khẩu với các vùng khác trong mối quan hệ phân công hợp tác giữa các vùng chứ không phải để nền kinh tế của vùng đi vào con đường tự cung tự cấp).

Quy hoạch phát triển của một ngành kinh tế cụ thể có nhiệm vụ đáp ứng nhu cầu của nền kinh tế quốc dân (gồm tiêu dùng nội địa và xuất nhập khẩu). Để thực hiện mục tiêu đó, quy hoạch ngành phải xác định nhiệm vụ huy động các nguồn vật lực, tài lực và nhân lực của ngành, có phương án phân bố lực lượng sản xuất của ngành trên các vùng lãnh thổ (địa phương), thường được gọi là phân bố địa lý; .... Mặt khác, các ngành kinh tế đó lại là một bộ phận cấu thành của quy hoạch phát triển kinh tế-xã hội của cả nước nên hình thành nhu cầu phải thực hiện phân công hiệp tác giữa các ngành để hình thành mối quan hệ cân đối liên ngành. Từ đó, xuất hiện nhu cầu về một chủ thể quản lý để thực hiện nguyên tắc kết hợp quản lý theo ngành và quản lý theo vùng lãnh thổ (địa phương). Chủ thể quản lý theo ngành là trách nhiệm của Bộ trưởng với các bộ môn giúp việc (cơ quan bộ). Quản lý theo vùng lãnh thổ thì, hiện nay chưa có chủ thể cụ thể. Chủ thể quản lý theo địa phương là Ủy ban nhân dân các địa phương. Chủ thể kết hợp các ngành, kết hợp các vùng lãnh thổ (địa phương), kết hợp ngành với vùng lãnh thổ (địa phương) là thuộc trách nhiệm của Bộ Kế hoạch & Đầu tư. Thế nhưng,

theo nhận thức của tôi thì các chủ thể này chưa làm đúng chức năng của mình nên ảnh hưởng tới chất lượng các quy hoạch và mối quan hệ giữa các quy hoạch với nhau.

**Phần đầu của Chương 1-2 của MDP** đánh giá hiện trạng của báo cáo quá sơ sài. Những số liệu đưa ra cần được chi tiết hơn về diện tích, dân số, điều kiện thiên nhiên ưu đãi so với các đồng bằng khác của Việt Nam, đất đai màu mỡ, phù sa, số giờ nắng trong năm cao, lượng nước đổ về hàng năm, chế độ bán nhật triều (thuận lợi cho tưới tiêu nông nghiệp và thoát nước đô thị), khí hậu ôn hòa ít chịu ảnh hưởng của bão ...) để nêu rõ vai trò, vị trí nổi bật, tầm quan trọng chiến lược của ĐBSCL đối với cả nước. Có như vậy, mới hiểu được tại sao lại có chuyện *“Chính phủ Việt Nam mong muốn thực hiện một Quy hoạch Đồng bằng sông Cửu Long nhằm phát triển an toàn, trù phú cả về kinh tế lẫn môi trường bền vững và ứng phó với biến đổi khí hậu cho Đồng bằng sông Cửu Long”*, mới lý giải được tại sao cần ưu tiên xây dựng một MDP như vậy cho ĐBSCL mà không phải ở vùng khác.

Báo cáo không đưa ra các viện dẫn đối với những lời đánh giá. Cần bổ sung phần đánh giá về ảnh hưởng của thiên tai đến xóa đói giảm nghèo và bình đẳng giới cũng như những phần viết về ảnh hưởng của thiên tai đến phát triển kinh tế xã hội vì đặc tính này cần được xét đến trong việc xây dựng Quy hoạch nông nghiệp/thủy lợi ở ĐBSCL.

Mục 2.1 trang 11/89 của báo cáo nên bổ sung một danh sách các dự án tương tự đã và đang thực hiện tại ĐBSCL, những kết quả đạt được, những tồn tại và báo cáo này khắc phục được gì cho những tồn tại đó thì sẽ giúp bổ sung một cách vững chắc cho phương pháp luận và các luận điểm xây dựng các kịch bản cho vùng châu thổ như đã đề xuất trong MDP.

**Về phần phương pháp luận** có thể thấy MDP đưa ra cách làm khá logic hiệu quả từ tầm nhìn đến các bước cần thực hiện để áp dụng vào thực tế. Tôi đánh giá cao về các nội dung xây dựng tầm nhìn cho vùng ĐBSCL, đây mới là nội dung cốt yếu của một bản MDP. Tuy nhiên, các lập luận kèm theo thì lại sơ sài.

Phần kế hoạch thực hiện gần như chưa có gì. Đúng là để phát triển ĐBSCL tiến một bước xa nữa, cần cải tiến thể chế, xây dựng được cơ quan quản lý lưu vực có đủ quyền lực mạnh, không bị ràng buộc về địa lý, hành chính thì mới giải quyết được quy hoạch tổng thể cho vùng châu thổ đầy tiềm năng như ĐBSCL. Để thực hiện được quy hoạch vùng ĐBSCL thì thể chế của Việt Nam phải sửa cho phù hợp vì thể chế hiện tại chỉ phù hợp với các kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của từng tỉnh thôi. Hạn chế của MDP là không rõ ràng phân công ai thực hiện, nhiều vấn đề đưa ra còn mang tính chất định tính không thuyết phục.

**Điểm thuận lợi** là sự tương đồng về điều kiện tự nhiên của ĐBSCL (Mekong Delta Plan-MDP) và châu thổ Hà Lan (Netherlands Delta Works-NDW). Hà Lan lại có kỹ thuật cao và nhiều kinh nghiệm bởi sự sống còn nhờ trị thủy vùng châu thổ.

**Điểm khác biệt** là NDW được thể chế cao bởi các chương trình và có Luật châu thổ nên hiện chỉ cần có các kế hoạch thực hiện, đưa ra các ‘lời khuyên’. Trong khi Việt Nam chưa có luật quy hoạch. MDP cần phải lập thành một **quy hoạch chiến lược** để định hướng cho các ngành, phải có các đủ cơ sở pháp lý để thể chế hóa quy hoạch.

Có câu hỏi đặt ra là làm thế nào để MDP mặc dù “*không phải là một bản quy hoạch tổng thể, không phải là kế hoạch phát triển kinh tế xã hội hay chương trình mục tiêu. Kế hoạch đồng bằng sông Cửu Long cũng không phải là Văn bản chính thức trong hệ thống hành chính của Việt Nam mà chỉ là tập hợp các góp ý chiến lược cho Chính phủ Việt Nam*” nhưng lại phải “*có tác động đến tất cả các quy hoạch tổng thể cho Đồng bằng sông Cửu Long*”, để “*Đảm bảo rằng những lời khuyên chiến lược và kiến nghị quan trọng sẽ được thông qua và đưa vào **Chương trình Châu thổ dài hạn***” giống như Chính phủ Hà Lan đã tiếp thu các ý kiến của Hội đồng châu thổ “*mới*” ngay từ sau khi Hội đồng này được thành lập và hoạt động năm 2008? Có cần xây dựng Chương trình Châu thổ để thực hiện MDP, xây dựng Luật Châu thổ có các thể chế cần thiết cho việc thực hiện, hình thành tổ chức và bổ nhiệm vị trí điều hành châu thổ để điều hành việc thực hiện ...?

*(“Năm 2008, Ủy ban Châu thổ Hà Lan đã cố vấn cho Chính phủ về các vấn đề rất quan trọng cho những thập kỷ tiếp theo. Trong đó bao gồm các giải pháp công trình và quản lý thể chế cũng như cách đảm bảo tài chính:*

- 1. Tiếp tục và tăng cường các biện pháp phòng chống lũ lụt và nâng cao tiêu chuẩn phòng chống lũ lụt;*
- 2. Giải pháp chủ yếu để đảm bảo nguồn cung cấp nước ngọt;*
- 3. Xây dựng Chương trình Châu thổ toàn diện, thống nhất và dài hạn;*
- 4. Xây dựng Luật Châu thổ (để xây dựng các thể chế cần thiết);*
- 5. Lập Quỹ Châu thổ (để huy động và đảm bảo tài chính cần thiết để thực hiện chương trình);*
- 6. Bổ nhiệm một vị trí điều hành châu thổ (để điều phối Chương trình Châu thổ).*

*Chính phủ và quốc hội Hà Lan đã tích cực thực hiện những lời khuyên. Luật Châu thổ đã được áp dụng từ ngày 1/1/2012. Lãnh đạo Châu Thổ đã được bầu ra trong năm 2010. Hiện nay, Lãnh đạo Châu thổ đang chuẩn*

*bị Chương trình Châu Thổ năm 2014, trong đó có các quyết định chính trị nhằm xây dựng chính sách tài nguyên nước quốc gia trong những năm sắp tới”).*

Ngay trong Báo cáo này đã có rất nhiều ý kiến đáng chú ý được nêu ra, có thể áp dụng được ngay, nhưng ai là người có trách nhiệm tiếp thu “các góp ý chiến lược cho Chính phủ Việt Nam” và đề đạt đề cấp có thẩm quyền ban hành các văn bản hành chính và chỉ đạo thực hiện?

Chẳng hạn vấn đề lúa vụ 3. Ý kiến đã rất rõ là không nên làm, nên bỏ trống để chứa lũ (không phải làm luân phiên cứ 2 năm làm vụ 3 lại có một năm để trống chứa lũ mà hoàn toàn chỉ làm 2 vụ) thì cần phải được phổ biến, thực hiện ngay vv...

### **Chương 3**

Số liệu cơ bản ở các nước phía thượng lưu đã được thu thập đánh giá nhưng chủ yếu mới chỉ ở mức độ mang tính chất về nguyên tắc. Một yếu tố quan trọng là xác định nguồn lực (vốn đầu tư, khoa học công nghệ, nhân lực, chính sách) ở ĐBSCL chưa được đánh giá.

Đối với tác động của phát triển thượng lưu, ngoài tác động của phát triển thủy điện dòng chính (12 đập thủy điện) cần đánh giá thêm tác động của cả phát triển thủy điện dòng nhánh, việc gia tăng lấy nước, chuyển nước ra ngoài lưu vực của các nước trong lưu vực vì đây là những nhân tố sẽ tác động rất mạnh mẽ, hơn cả tác động của biến đổi khí hậu. Riêng tác động của phát triển thượng lưu đến giảm phù sa về ĐBSCL là có thực, song quy hoạch cũng chỉ mới xem xét ở mức định tính, chưa xác định được sẽ giảm bao nhiêu và giảm vào lúc nào, tác động đến năng suất nông nghiệp ra sao.

Trong Chương 3, trang 17 (bản tiếng Anh) theo tôi hiểu có sự nhầm lẫn về số liệu. Đoạn này viết: "sản lượng gạo của ĐBSCL tăng từ 4,5 triệu tấn năm 1976 lên 24,6 triệu tấn năm 2012 trong đó 8 triệu tấn dành cho xuất khẩu". Điều này không đúng, cần sửa thành "sản lượng thóc (lúa) tăng từ 4,5 triệu tấn lên 24,6 triệu tấn; còn số lượng xuất khẩu lại là 8 triệu tấn "gạo". Thóc và gạo là 2 thứ khác nhau vì 10 kg thóc mới cho ra 6,8 kg gạo. Ngoài ra, các số liệu trong chương này chưa được cập nhật, nhiều chỗ còn sử dụng số liệu của 2008 khác rất xa với thực tiễn;

Mục 3.2.6 về lún sụt đất chưa được thuyết phục cần phân biệt nơi lún sụt chủ yếu khai thác nước ngầm. Có những nơi bồi đắp vì thực tế là hàng năm do phù sa bồi đắp thì nền đất cao dần lên chứ không lún sụt. Hơn nữa, sinh hoạt hàng ngày của con người cũng làm cho nền đất cao lên rất nhiều. Ví dụ ở Hà Nội, so với 40-50 năm trước đường phố Hà Nội đã cao lên tới 3-4 m. Rất nhiều khu nhà cũ đã bị mất luôn tầng 1, nhiều nhà chỉ còn 1/2 nhô lên

mặt đất, một số chỉ còn thấp ngang bằng, thậm chí thấp hơn cả mặt đường rồi.

Về lún sụt ở ĐBSCL, tôi nhận được tài liệu nghiên cứu của Ts Lê Xuân Thuyên cho biết tình hình ngập/ mặt đất diễn ra khá phức tạp, và chúng ta hiện chưa có đủ số liệu để dự báo chính xác, bởi ngoài nguy cơ nước biển dâng thì bản thân nền cũng lún làm tăng tốc độ chìm ngập thực tế. Để đáp ứng yêu cầu này, một mạng quan trắc lún đang được thực hiện trong khuôn khổ hợp tác giữa Cục địa chất Hoa Kỳ và Đại học quốc gia thành phố Hồ Chí Minh được khởi động từ năm 2010.

Hiện tại, người ta tách ra 2 quá trình lún (chưa kể tới nâng hạ do chuyển động kiến tạo) là lún sâu và lún nông. Lún sâu chủ yếu liên quan tới quá trình bơm rút nước ngầm quá mức bổ cấp tự nhiên làm vỉa nước bị xẹp xuống và dẫn tới hạ thấp các tầng đất bên trên gây hậu quả là bề mặt đất cũng bị hạ lún xuống. Khi ngưng hoặc giảm mức độ khai thác thì tốc độ lún sâu cũng sẽ giảm dần. Còn lún nông liên quan tới quá trình nền đất cố kết tự mất nước và co nén tự nhiên diễn ra phức tạp theo cấu tạo các trầm tích Holocene. Dưới nền châu thổ, ở tầng sâu là các lớp trầm tích cổ tương đối chặt và có chứa các vỉa nước ngầm thường được khai thác, còn bên trên là những trầm tích trẻ hơn dạng bùn chảy nhão. Theo thời gian, do ảnh hưởng trọng lực bản thân mà các trầm tích trẻ này bị nén và ép thoát nước làm cho thể tích khối của chúng bị giảm đi, dẫn tới mặt đất liên tục bị lún hạ thấp. Tốc độ hạ bề mặt đất do lún nông tuy chậm, khó phát hiện thấy. Mạng quan trắc lún được triển khai ở ĐBSCL được dùng theo dõi tốc độ lún nông. Chi tiết về kỹ thuật này có thể tìm thấy tại địa chỉ <http://www.pwrc.usgs.gov/set>. Dưới đây là kết quả đo lún từ 3 trong số 5 vị trí quan trắc lún bằng SET-MH tại ĐBSCL, bởi các trạm còn lại có thời gian quan sát chưa đủ dài. 3 vị trí quan trắc được nêu ở đây đều được đặt dưới sàn rừng ngập mặn tại Cần Giờ, Cù Lao Dung (cửa sông Hậu) và Mũi Cà Mau. Theo thời gian, chuỗi số liệu càng dài thì độ chính xác việc xác định tốc độ lún càng cao. Đồng thời với tiến trình lún thì cũng diễn ra quá trình bồi tụ nhanh chậm theo mùa rất rõ nét. So sánh kết quả quan trắc với kết quả nghiên cứu lún ở ĐBSCL từ các nguồn khác Laura và cộng sự (2013) đã công bố kết quả tính tốc độ lún bề mặt ở ĐBSCL là 1–3 cm/năm trong thời kỳ 2007-2010 dựa trên số liệu quan trắc biến dạng bề mặt đất bằng vệ tinh InSAR giai đoạn 2007 – 2010 kết hợp tính toán tốc độ lún theo diễn biến mực nước giếng khoan do bơm hút nước ngầm bằng phần mềm MODFLOW-2005 do Cục địa chất Mỹ phát triển. Lưu ý vùng có tốc độ lún này còn lớn hơn cả dữ liệu (9mm/năm) của Doyle và cộng sự (2010) đã dùng để mô phỏng tiến trình ngập trước đây cho ĐBSCL, và tốc độ lún nhanh nhất lại tập trung ở vùng trục giữa đồng bằng, nơi mà kịch bản công

bổ gần đây (năm 2012) được xác định là có thể sẽ không bị ngập vào cuối thế kỷ này .

Diễn biến bồi tụ theo mùa tại Cà Mau cửa sông Hậu, và 23,4 mm/năm tại Mũi Cà Mau. Đây là những khu vực có quy mô khai thác nước ngầm còn ít nên tốc độ lún sâu có thể còn thấp, nhưng tốc độ lún nông thì là khá cao.

Vai trò của rừng ngập mặn làm giảm tốc độ lún hạ mặt đất. Tốc độ lún tại 3 điểm quan trắc là rất lớn, tốc độ lún cùng với tốc độ dâng nước nói chung đã có thể tạo nên tốc độ ngập vượt qua ngưỡng chống chịu của rừng ngập mặn như theo tính toán của Ellison (2009). Nhưng thực tế, rừng ngập mặn còn nhận được thêm lượng bùn cát do nước dâng theo thủy triều đưa tới và điều này góp phần duy trì hệ sinh thái rừng ngập mặn ven biển. Bề dày trầm tích mới bồi này dao động từ 5 đến 27 mm theo mùa mưa và mùa khô tại điểm quan trắc ở Mũi Cà Mau . Ngược lại, thì rừng ngập mặn phát triển và sinh khối phần ngầm dưới đất của cây rừng ngập mặn cũng đóng góp việc duy trì, nâng cao nền đất dưới rừng và giảm tần suất ngập như đã được ghi nhận ở bờ biển Nam Mỹ trong nghiên cứu của Wells và Coleman (1981)

Hướng giải pháp lâu dài hạn chế ảnh hưởng lún. Tăng cường tận dụng phù sa bồi. Ở đây chúng ta không bàn về hạn chế lún dưới các công trình, mà nhìn tới vấn đề rộng hơn là duy trì cốt nền cho những vùng đồng bằng đất thấp. Châu thổ sông Cửu Long được hình thành từ phù sa sông, và điều này vẫn đang tiếp diễn rất rõ ở vùng ngập lũ . Vì vậy cần quản lý tốt hoạt động thủy lợi sẽ tăng cường phù sa lắng đọng trên đồng ruộng và lâu dài sẽ góp phần nào đó để nâng cao nền đất mà sẽ không làm tăng chi phí đáng kể. Gần đây, tại châu thổ sông Mississippi (Mỹ), người ta đang thử nghiệm giải pháp hướng điều tiết bùn cát theo dòng lũ để bù đắp mức độ lún nền và hạn chế mất đất trên một số khu vực có nguy cơ bị chìm ngập để cứu châu thổ này. Quản lý và sử dụng hợp lý nguồn nước ngầm. Khai thác và sử dụng nước ngầm là điều không thể tránh khỏi. Nhưng sử dụng hợp lý hơn, hay hạn chế sử dụng nước ngầm khi mà nguồn nước mặt ở ĐBSCL hiện còn có thể khai thác là điều cần suy tính kỹ, bởi khai thác quá mức sẽ làm tăng tốc độ lún, nhưng chất lượng nước ngầm ở đây cũng có nguy cơ tích lũy thạch tín rất cao ở các tầng chứa nước.

Khảo sát lún được thực hiện từ nhiều nguồn với kỹ thuật khác nhau, tuy với thời gian quan trắc còn chưa đủ dài, nhưng kết quả bước đầu cho thấy lún là vấn đề thực tế nghiêm trọng đối với tương lai của đồng bằng sông Cửu Long. Các giải pháp dựa trên cơ sở quản lý sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên, từ khai thác nước ngầm, bơm tưới hợp lý và quản lý tốt đới bờ sẽ là những giải pháp ít tốn kém và thân thiện môi trường để hạn chế chìm ngập ĐBSCL trong tương lai. Theo tôi hiểu muốn nghiên cứu chính xác hơn cần



thiết lập mốc quan trắc (khoan cọc nhồi đến đá móng - trên 400m), dùng thiết bị chính xác cao quan trắc, kết hợp hình tính toán hỗ trợ, để luận giải.

Mục 3.2.7 cũng mới chỉ đưa ra những nhận xét rất cảm tính. Cần nghiên cứu thêm để có thêm số liệu chi tiết, nếu không sẽ rất khó xây dựng kế hoạch.

Mục 3.3.1 cần sửa lại thành: "*GDP share of 31% compared to the national average of 21%*" chứ không phải là "45% so với 20%". Và "... the projected decline of this share to 31% by 2020 will not be achieved" cũng không khớp với số liệu trong Hình 3-8. Lúc đầu đọc, chẳng hiểu lấy con số đó ở đâu ra nữa? Con số trong Hình 3-8 khác với số liệu mô tả?

## **Chương 4**

Trước khi thảo luận về các kịch bản đưa ra trong MDP, cần điểm qua về các cốt lõi trong nông nghiệp Việt Nam. Đã hơn 38 năm đất nước thống nhất, non sông liền một dải “cả nước cùng đi lên xã hội chủ nghĩa” như tuyên bố đầy tự hào của những vị lãnh đạo đất nước. Vậy mà đến nay, Việt Nam vẫn nằm trong danh sách những nước chậm phát triển và ở nông thôn người nông dân Việt Nam vẫn đang phải vật lộn vất vả trong cuộc chiến chống đói nghèo. Những vất vả thiệt thòi, cay cực của hàng triệu con người trên chính mảnh đất của mình làm chúng ta không chỉ xót xa, than thở mà cần phải chung tay có những hành động cụ thể, quyết liệt và hiệu quả hơn nữa. Ở đây, then chốt là phải đi sâu vào cốt lõi của nông nghiệp, làm rõ các nguyên nhân trì trệ để thay đổi thể chế quản lý trong nông nghiệp.

Nhìn chung, Việt Nam dùng hơn 85% đất đai canh tác cho việc trồng lúa gạo, chỉ hơn 10% đất đai canh tác cho trồng hoa quả màu. Thị trường gạo trên thế giới không tăng nhiều và có xu hướng chững lại với giá trị khoảng 10 tỷ USD, thị trường rau củ quả trên thế giới ngày càng tăng khoảng hơn 200 tỷ USD (hiện Việt Nam được xếp hạng 30 trong số 190 quốc gia vùng miền trên thế giới làm xuất khẩu rau quả hoa). Điều đó có nghĩa sự phân bổ đất đai tại Việt Nam cho các ngành sản xuất nông nghiệp chưa hợp lý (kể cả vấn đề bảo đảm an ninh lương thực).

Trong sản xuất nông nghiệp vấn đề công nghệ cao không quan trọng bằng sự phối hợp tốt giữa các tiến trình phục vụ ngành sản xuất. như ở Úc, chính sự phối hợp xuyên suốt các khâu dịch vụ cho ngành sản xuất gạo mà hiệu quả ngành này ở Úc gấp gần 10 lần ở Việt Nam. Do có đầu tư đúng đắn cho chế biến sản phẩm sau thu hoạch, ở Úc việc phí phạm sản phẩm sau thu hoạch rất thấp (ở Việt Nam phí phạm rơi vãi là hơn 20%) và tận dụng sản phẩm của lúa gạo là 100% (Việt Nam chỉ lấy được gạo còn gần như là bỏ phí rơm, trấu, cám,...)

Ta có chủ trương đảm bảo cho nông dân trồng lúa có 30% lợi nhuận. Tỷ lệ có vẻ to nhưng hiện nay, nông nghiệp vẫn là nền sản xuất nhỏ với quy mô hộ gia đình. Trong điều kiện đó, dù có tỷ suất lợi nhuận là 30% nhưng con số tuyệt đối mà hộ gia đình nhận được vẫn nhỏ, không đủ dự phòng khi có thiên tai, khi bị bệnh, cần tiền cho con đi học nên khả năng tái sản xuất mở rộng bị hạn chế. Đó là chưa kể đến tình trạng nông dân bị ép giá ở cả đầu vào và đầu ra không còn lợi nhuận 30% như chủ trương của Nhà nước.

Theo điều tra của Viện Chính sách và Chiến lược phát triển nông nghiệp thực hiện từ 2006-2012 tại 12 tỉnh, thành cho thấy chi tiêu của các hộ nông thôn tăng mạnh trong khi tỷ lệ hộ nghèo không giảm, thậm chí số hộ tái nghèo lại tăng. Thu nhập từ nông nghiệp đang sa sút do người nông dân phải chịu đựng những cú sốc từ khách quan có thiên tai, dịch bệnh, biến động thị trường, chưa kể chủ quan do sức khỏe, mất việc, mất đất khiến nông dân điều đứng xoay tròn ứng phó.

Tình trạng suy thoái kinh tế khiến giá nông sản giảm mạnh đã gây ra những cú sốc khiến nhiều hộ nông càng điều đứng hơn. Có đến 45% số hộ nông dân cho biết họ đang phải nợ nần. Trong khi đó, hỗ trợ của chính quyền cho các hộ khi gặp các “cú sốc” trong đời sống rất hạn chế. Lẽ ra, khoản tiền bảo hiểm phải là cách ứng phó tốt nhất cho “vận đen” không may của họ, thế nhưng hầu hết nông dân lại chưa mua bảo hiểm, đặc biệt loại hình bảo hiểm nông nghiệp.

Trong điều kiện của VN tại sao hầu hết không ai tham gia bảo hiểm nông nghiệp tự nguyện? Trên thế giới người ta tham gia bảo hiểm với mong muốn sẽ bảo toàn được tài sản của mình nếu rủi ro xảy ra, về phía công ty bảo hiểm họ cũng là doanh nghiệp kinh doanh nên họ sẽ phải đặt ra yêu cầu và hướng dẫn để người mua bảo hiểm giảm thiểu nguy cơ dẫn đến rủi ro, nhưng ở VN không phải như thế. Vì thu nhập của họ từ nông nghiệp có đáng là bao, trong khi các điều khoản bảo hiểm chưa hấp dẫn và thủ tục chi trả bảo hiểm quá phức tạp đối với nông dân.

### **Cánh đồng mẫu lớn với... nông dân nhỏ?**

Chúng ta đừng quên hiện tượng trong ngành thủy sản nông dân cũng có qui mô sản xuất rất lớn. Nhiều người có hàng chục ha mặt nước nuôi trồng thủy sản. Thế nhưng vẫn chết toi hàng loạt cá đẽ rồi phải bán lại ao với giá rẻ cho các doanh nghiệp và các ông chủ lớn.

Vậy thì có phải tích tụ ruộng đất là con đường duy nhất đúng như người ta đang hô hào hay ngược lại, đó là nông dân nhỏ nhưng cánh đồng mẫu lớn?

Nếu “nông dân nhỏ với cánh đồng mẫu lớn” được tổ chức tốt, ta sẽ giải được bài toán việc làm cho hàng triệu nông dân. Và ngược lại nếu “nông dân

lớn” hay chính xác là doanh nghiệp nông nghiệp qui mô lớn sẽ có hàng triệu nông dân phải ra đứng đường vì họ đâu có dễ tìm được việc làm phi nông nghiệp?

Tuy nhiên, cần nhắc lại là “nông dân nhỏ và cánh đồng mẫu lớn” phải được tổ chức hợp lý, nghĩa là sao cho nông dân phải có tiếng nói trong mối quan hệ với doanh nghiệp trong khi ký hợp đồng. Giá trị gia tăng của ngành phải được chia sẻ hợp lý với nông dân. Ví dụ điển hình nên học tập là trường hợp công ty cổ phần chè Than Uyên (Lai Châu). Mặc dù trong mấy năm qua ngành chè rất khó khăn, hiện tượng tranh bán tranh mua diễn ra ở khắp nơi, nhưng ở Than Uyên không có đầu nậu nào có thể tranh mua với công ty, vì giá thu mua của công ty luôn luôn bằng hoặc cao hơn giá thị trường.

Ngược lại, người nông dân, mặc dù hầu hết là người dân tộc thiểu số nhưng luôn tin tưởng và sản xuất theo đúng yêu cầu của công ty và chỉ bán nguyên liệu cho công ty. Vấn đề mấu chốt của mối quan hệ hợp đồng là ở sự tin tưởng của người dân vào doanh nghiệp, và sự chia sẻ lợi ích của doanh nghiệp với người nông dân. Công ty chè Than Uyên luôn đặt lợi ích của đối tác lên hàng đầu, cung ứng cho nông dân đầu vào đảm bảo chất lượng với giá rẻ hơn nếu tự mua bên ngoài, hướng dẫn kỹ thuật cho dân và thu mua với giá ngang bằng hoặc cao hơn thị trường.

Hiện tại các doanh nghiệp của VN rất ít nơi làm được như vậy vì thiếu một sự chia sẻ lợi ích hợp lý. Các doanh nghiệp chỉ tìm cách bán đầu vào cho nông dân với giá trên trời và tìm cách thu mua đầu ra của nông dân với giá bèo bọt, cốt để họ phải thua lỗ và bán lại đất cho mình. Họ dùng nhiều cách, trong đó có cả cách sử dụng cán bộ địa phương ngăn chặn không cho thương lái vào mua tranh nguyên liệu.

### **Mâu thuẫn trong quan điểm tích tụ ruộng đất**

Để đảm bảo quá trình phát triển nông nghiệp bền vững, cần chú ý đến cả khía cạnh kinh tế xã hội và không nhất thiết phải thực hiện tập trung ruộng đất vào tay một số ít người, như con đường phát triển tư bản chủ nghĩa, mà phải tổ chức liên kết các hộ gia đình trong các vùng chuyên canh.

Do đó, chấp nhận duy trì tổ chức hợp tác giản đơn tự nguyện giữa các hộ nông dân nhưng với điều kiện là phải từ bỏ tập quán canh tác tiểu nông, để chuyển sang tập quán canh tác có tổ chức, kỷ luật, khoa học của người sản xuất lớn.

Hiện tại, một số người đang hô hào tích tụ ruộng đất, thực chất là nhằm hợp pháp hóa phần diện tích mà các cá nhân và tổ chức bấy lâu nay đã âm thầm mua lại của nông dân bằng nhiều cách. Trong đó có cả cách cạnh tranh không lành mạnh, nghĩa là tìm cách làm cho nông dân thua lỗ liên tục 2- 3

vụ sau đó mua lại với giá rẻ. Bên cạnh việc hô hào cho tích tụ ruộng đất còn có ý kiến ủng hộ việc lôi kéo các doanh nghiệp FDI vào để sản xuất và tiêu thụ sản phẩm theo qui mô lớn. Những người ủng hộ trường phái này cho rằng hiện nay khó khăn nhất của nông nghiệp Việt Nam là không có thị trường tiêu thụ nông sản, nên cần phải tổ chức sản xuất theo hợp đồng gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm để nâng cao chất lượng và giảm bớt khâu trung gian.

Theo họ chỉ cần vài ông lớn FDI là có sản lượng lớn với chất lượng cao, nông nghiệp hiện đại và giá trị gia tăng cao. Tuy nhiên giá trị gia tăng cao đó vào túi ai mới là điều quan trọng? Có ý kiến cho rằng đây là cách làm chẳng có lợi lộc gì cho dân, cho nước cả. Làm theo cách đó thì hàng triệu nông dân sẽ đi đâu, làm gì? Đây là bài toán hệ thống tái cấu trúc nền kinh tế của cả nước phải đi trước tái cấu trúc ngành nông nghiệp.

Khi sản xuất nông nghiệp nằm trong tay một vài ông lớn FDI lúc đó họ sẽ áp dụng công nghệ hiện đại, cơ giới hóa và thế là nông dân sẽ ra đứng đường. Người tiêu dùng thì phải ăn đắt vì chỉ còn một vài nhà cung ứng thôi, vấn đề xã hội sẽ rất lớn trong khi nhà nước thì thất thu.

Điều này đã thấy nhãn tiền ở ngành chăn nuôi rồi. Hiện nay ngành chăn nuôi chủ yếu nằm trong tay vài doanh nghiệp FDI. Doanh thu và lợi nhuận ròng của các vị này rất lớn. Năm 2010 chỉ riêng công ty CP ở VN đã thu về 01 tỷ USD lợi nhuận ròng, nhưng nghĩa vụ nộp thuế của họ lại rất ít (nếu có) vì họ luôn báo lỗ. Họ cũng không hề phải trả một đồng phí môi trường nào cả mặc dù họ gây ô nhiễm môi trường rất nhiều. Điều này là vì ngoài phần tự đầu tư thì một phần lớn sản lượng của họ đến từ các hợp đồng gia công với nông dân/ trang trại.

Khi đầu tư, để được ưu đãi thì họ nhận cả phần đầu tư của các trang trại là của họ, nhưng khi địa phương yêu cầu đóng phí môi trường thì họ từ chối với lý do đó là đầu tư của nông dân, mà của nông dân thì ai thu được phí môi trường bao giờ.

Vấn đề chỉ là “tỷ giá cánh kéo” quá bất lợi cho nông dân (do lợi ích nhóm) khiến nông dân khó cạnh tranh, đồng thời diện tích đất của nông dân quá ít nên ngay cả khi họ có lãi tới 100% thì họ cũng chẳng thể sống nhờ vào nông nghiệp được. Đó mới là vấn đề!

...

*Thành phố Hồ Chí Minh 9/9/2013*